

Bảng câu hỏi Khảo sát Thành phố Tachikawa dành cho Cư dân Nước ngoài [Hạn chót: Thứ Năm, ngày 26 tháng 10 năm 2023]

- * **Vui lòng khoanh tròn (những) số phù hợp với bạn.**
- * Bạn không phải trả lời những câu hỏi mà bạn cảm thấy không muốn trả lời.
- * Vui lòng gửi bảng câu hỏi trong phong bì có ghi sẵn địa chỉ đính kèm.
- * Vui lòng tự trả lời các câu hỏi phần viết.

[I] Những câu hỏi về bạn					
1	Quốc tịch				
2	Tuổi	i. 0~19 tuổi v. 50~59 tuổi	ii. 20~29 tuổi vi. 60~69 tuổi	iii. 30~39 tuổi vii. 70 tuổi~	iv. 40~49 tuổi
3	Tiếng mẹ đẻ <Ngôn ngữ của bạn>	1. Tiếng Anh 2. Tiếng Trung 3. Tiếng Hàn 4. Tiếng Việt 5. Tiếng Tagalog 6. Tiếng Nepal 7. Tiếng Indonesia 8. Tiếng Bồ Đào Nha 9. Tiếng Nhật 10. Ngôn ngữ khác ()			
4	Tình trạng cư trú	1. Thường trú nhân đặc biệt 2. Thường trú nhân 3. Cư trú dài hạn 4. Vợ/chồng người Nhật, v.v. 5. Vợ/chồng thường trú nhân, v.v. 6. Du học 7. Kỹ sư/chuyên gia nhân văn/kinh doanh quốc tế 8. Người phụ thuộc 9. Kỹ thuật đào tạo thực tập 10. Kỹ năng cụ thể 11. Kỹ năng 12. Hoạt động cụ thể 13. Trình độ khác()			
5	Bạn đã sống ở Nhật bao lâu rồi? i. Dưới 1 năm ii. 1~4 năm iii. 5~9 năm iv. 10~19 năm v. 20~29 năm vi. Hơn 30 năm				
6	Bạn sống với ai? (Vui lòng chọn <u>tất cả</u> câu đúng với bạn.) 1. Vợ/Chồng/Bạn đời 2. Cha/Mẹ 3. Con 4. Anh/Chị/Em 5. Bạn bè/Người quen 6. Sống một mình 7. Khác ()				
7	Hiện tại bạn đang có điều gì lo lắng? (Vui lòng chọn <u>tất cả</u> câu đúng với bạn.) 1. Tiếng Nhật giao tiếp 2. Tôi không lấy được thông tin mình cần. 3. Cách tôi tương tác với hàng xóm. 4. Sinh con 5. Nuôi con 6. Giáo dục con cái 7. Sức khỏe 8. Chăm sóc gia đình 9. Ly hôn / 'DV' 10. Công việc 11. Nhà ở 12. Thiên tai 13. Tiền bạc 14. Tư cách lưu trú 15. Không có gì đặc biệt 16. Các vấn đề khác()				

[II] Cuộc sống ở thành phố Tachikawa	
1	Bạn đã sống ở Tachikawa bao lâu rồi? i. Dưới 1 năm ii. 1~4 năm iii. 5~9 năm iv. 10~19 năm v. 20~29 năm vi. Hơn 30 năm
2	Bạn có muốn tiếp tục sống ở Tachikawa không? 1. Tôi muốn sống ở đây. 2. Tôi muốn chuyển đến nơi khác. 3. Tôi không biết.
3	Tại sao bạn chọn II-2? (Vui lòng chọn <u>tối đa ba</u> câu đúng với bạn.) [Cách khoanh: ①. Phương tiện đi lại ⇒ ②. Vì thuận tiện. Vì bất tiện.] 1. Giao thông vận tải ⇒ (Vì thuận tiện. Vì bất tiện.) 2. Mua sắm ⇒ (Vì thuận tiện. Vì bất tiện.) 3. Thuê ⇒ (Vì rẻ. Vì đắt.) 4. Chi phí sinh hoạt ⇒ (Vì rẻ. Vì đắt.) 5. An toàn công cộng ⇒ (Vì an toàn. Vì không an toàn.) 6. Bệnh viện ⇒ (Vì dễ tìm. Vì khó tìm.) 7. Nơi học tiếng Nhật ⇒ (Vì dễ tìm. Vì khó tìm.) 8. Nơi làm việc/trường học ⇒ (Vì gần. Vì xa.) 9. Đồng hương ⇒ (Vì nhiều đồng hương. Vì ít đồng hương.) 10. Nuôi dạy con cái ⇒ (Vì dễ. Vì khó.) 11. Những người xung quanh tôi ⇒ (Vì họ tốt bụng. Vì họ xa cách.) 12. Thiên nhiên và cây xanh ⇒ (Vì có nhiều cây xanh. Vì có ít cây xanh.) 13. Lý do khác ()
4	Bạn cần loại thông tin gì? (Vui lòng chọn <u>tối đa ba</u> câu đúng với bạn.) 1. Thông tin từ Tòa thị chính 2. Về các quy tắc sinh sống 3. Y tế và bệnh viện 4. Nuôi dạy con cái 5. Liên hệ tư vấn 6. Học tiếng Nhật 7. Việc làm 8. Nhà ở 9. Thuế và Lương hưu 10. Thông tin khẩn cấp, bao gồm các thảm họa liên quan 11. Hoạt động trao đổi khu vực 12. Sự kiện 13. Thông tin khác ()
5	Bạn lấy được thông tin bạn cần bằng cách nào? (Vui lòng chọn <u>tất cả</u> câu đúng với bạn.) 1. Thông tin công cộng Tachikawa 2. Hỏi tại Tòa thị chính. 3. Tờ rơi từ Tòa thị chính 4. Trang web thành phố Tachikawa 5. SNS 6. Báo và tạp chí thông tin 7. TV/Radio 8. Internet (tiếng Nhật) 9. Internet (ngoài tiếng Nhật) 10. Gia đình 11. (Các) bạn người Nhật 12. (Các) bạn không phải người Nhật 13. Lớp học tiếng Nhật 14. Các cộng đồng đồng hương 15. Nhà thờ và các tổ chức tôn giáo khác 16. Những nguồn khác ()

2	Làm thế nào để bạn có được thông tin khi thảm họa xảy ra? (Vui lòng chọn <u>tất cả</u> câu đúng với bạn.) 1. Internet 2. SNS 3. Phương tiện truyền thông Nhật Bản (tivi, radio, báo chí) 4. Phương tiện truyền thông bằng tiếng nước ngoài (ti vi, radio, báo chí) 5. Hỏi thăm bạn bè, người quen. 6. Các nguồn khác ()
3	Bạn cần gì để <u>không gặp rắc rối</u> khi thảm họa xảy ra? (Vui lòng chọn <u>tất cả</u> câu đúng với bạn.) 1. Hiểu được các biển báo hướng dẫn nơi sơ tán. 2. Được cung cấp thông tin và tư vấn bằng nhiều ngôn ngữ. 3. Phát tờ rơi đa ngôn ngữ về thiên tai. 4. Tham gia các khóa học, kinh nghiệm phòng chống thiên tai. 5. Người nước ngoài được tham gia diễn tập phòng chống thiên tai. 6. Người nước ngoài tăng cường liên kết với cộng đồng. 7. Ý kiến khác ()
4	Bạn có biết nơi sơ tán (trung tâm sơ tán) trong một trận động đất, v.v. không? 1. Tôi biết. 2. Tôi không biết. → → Vui lòng xem trên trang web của Thành phố Tachikawa. 

[IV] Câu hỏi về tiếng Nhật

	Khả năng tiếng Nhật của bạn tốt đến đâu? <table border="0"> <tr> <td>① Nghe</td><td>(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)</td></tr> <tr> <td>② Nói</td><td>(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)</td></tr> <tr> <td>③ Viết</td><td>(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)</td></tr> <tr> <td>④ Đọc</td><td>(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)</td></tr> </table>	① Nghe	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)	② Nói	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)	③ Viết	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)	④ Đọc	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)
① Nghe	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)								
② Nói	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)								
③ Viết	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)								
④ Đọc	(1. Có thể 2. Gần như có thể 3. Một chút 4. Không thể)								
1	<u>Nếu bạn trả lời (3. Một chút) hoặc (4. Không thể) → Bạn làm gì khi không hiểu tiếng Nhật?</u> 1. Sử dụng ứng dụng thông dịch/ phiên dịch. 2. Nhờ người nhà hoặc người quen có thể nói và/hoặc đọc được tiếng Nhật giúp đỡ. 3. Nói bằng tiếng mẹ đẻ và/hoặc tiếng Anh. 4. Đi hỏi (Ở đâu: Tòa thị chính, lớp học tiếng Nhật, v.v. _____) 5. Bỏ cuộc. 6. Ý kiến khác ()								
2	Bạn đã từng gặp rắc rối vì không hiểu tiếng Nhật chưa? 1. Có. 2. Không. <u>1. Nếu bạn trả lời có.</u> → Vui lòng chọn <u>tất cả</u> vấn đề bạn gặp phải trong năm qua. 1. Hiệp hội khu phố 2. Khi đi tàu hoặc xe buýt 3. Cuộc sống hàng ngày và mua sắm 4. Thủ tục tại Tòa thị chính 5. Thủ tục tại bưu điện/ngân hàng 6. Khi tìm việc 7. Tại nơi làm việc 8. Khi bị ốm 9. Khi nói chuyện với giáo viên ở trường, v.v. 10. Thư từ Tòa thị chính và Trường học 11. Khác ()								
3	Bạn sử dụng ngôn ngữ nào khi đọc tờ rơi và áp phích? 1. Tiếng Nhật thông thường 2. Tiếng Nhật dễ hiểu <= Tiếng Nhật đơn giản, người nước ngoài dễ hiểu > 3. Tiếng Anh 4. Tôi sẽ đọc tờ rơi bằng tiếng mẹ đẻ nếu có.								

*** Bảng này dành cho người có con và người muốn đóng góp ý kiến. Vui lòng bỏ chung vào phong bì khi gửi.**

[V]Hãy trả lời nếu bạn có con sống ở Nhật Bản.

Tuổi của con bạn	<u>(Vui lòng chọn tất cả câu đúng với bạn.)</u> i. 0 ~ 6 tuổi ➔ 【Học (nhà trẻ/mẫu giáo) / không đi học】 ii. 7 ~ 12 tuổi (học sinh tiểu học) iii. 13 ~ 15 tuổi (học sinh trung học cơ sở) iv. 16~18 tuổi (học sinh cấp 3) v. Độ tuổi 19 +
1	<u>Con bạn (đã) gặp khó khăn gì ở trường/nhà trẻ/trường mẫu giáo không? (Vui lòng chọn tất cả câu đúng với bạn.)</u> 1. Không (đã không) hiểu tiếng Nhật. 2. Không (đã không) biết cách học. 3. Không ai có thể (đã có thể) dạy con tôi tiếng Nhật. 4. Không ai giúp (đã giúp) con tôi bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi <ngôn ngữ của chúng tôi>. 5. Con tôi không (đã không) có ai để hỏi ý kiến. 6. Con tôi không (đã không) có/không thể có bạn. 7. Con tôi không (đã không) muốn đi học. 8. Con tôi (đã) lo lắng về việc liệu con tôi có thể (đã có thể) vượt qua kỳ thi hay không. 9. Giáo viên của con tôi không (đã không) quan tâm. 10. Con tôi (đã) không đặc biệt lo lắng gì. 11. Các vấn đề khác ()
2	<u>Bạn (đã) gặp khó khăn gì ở trường/nhà trẻ /trường mẫu giáo của con bạn không? (Vui lòng chọn tất cả câu đúng với bạn.)</u> 1. Tôi không (đã không) hiểu cách thức hoạt động của trường học. 2. Tôi không thể (đã không thể) giao tiếp với giáo viên của mình. 3. Tôi không (đã không) hiểu thư từ và giấy tờ trường gửi. 4. Không thể giao tiếp với những người giám hộ khác. 5. Con tôi quên (đã quên) tiếng mẹ đẻ của chúng tôi. 6. Tôi không (đã không) biết về việc học lên cao hơn, con đường sự nghiệp hoặc tham gia các kỳ thi. 7. Chi phí giáo dục cao. 8. Tôi không (đã không) gặp vấn đề gì. 9. Các vấn đề khác ()

Nếu có ý kiến, xin vui lòng viết ra.

**** Nếu không có đủ giấy để viết, bạn có thể viết vào mặt sau. ****

Bảng câu hỏi đến đây là kết thúc. Cảm ơn rất nhiều vì sự hợp tác của bạn!